

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DSST

Ngày 12-7-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hồ Thị Thu Uyển

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2023/TLST-DS, ngày 30-10-2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-DS ngày 26-4-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS ngày 24-5-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐST-DS, ngày 14-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn Đăk H, xã Đăk H, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc H, sinh năm: 1986; địa chỉ: Tổ B, Thị trấn Đức A, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông (Văn bản uỷ quyền ngày 07-11-2023) – vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1988 – Luật sư, Công ty TNHH Hải A và Cộng S; địa chỉ: Đường 23/3, tổ dân phố A, phường Nghĩa T, thành phố Gia N, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị M; địa chỉ: Thôn Đăk S, xã Đăk H, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông - vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: Thôn Đăk S, xã Đăk H, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 11-10-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Qua quen biết bà Trần Thị L có cho bà Lê Thị M vay 02 lần tổng số tiền là 337.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 08-5-2019 vay số tiền là 320.000.000 đồng; ngày 27-3-2020 vay số tiền là 17.000.000 đồng. Việc vay tiền đều được lập thành giấy viết tay, có chữ ký xác nhận của bà Lê Thị M, bà L đã đưa đủ số tiền trên cho bà Lê Thị M. Theo thỏa thuận thì bên vay phải trả toàn bộ số tiền nợ trên cho bà L cùng số tiền lãi theo quy định của pháp luật khi bà L có yêu cầu. Tuy nhiên, đến nay bên vay chưa trả khoản tiền nào cho bà L, mặc dù bà L đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu trả nợ và đã làm văn bản thông báo, ấn định thời gian trả nợ cho bà M, tuy nhiên bà M vẫn không trả nợ cho bà L. Xét thấy bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, nay bà L khởi kiện bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà L số tiền gốc 337.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất 10%/ 01 năm trên số tiền gốc 337.000.000 đồng, tính từ ngày 30-10-2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Lê Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q: Quá trình giải quyết vụ án bà M, ông Q không đến Tòa án để làm việc. Qua xác M tại địa phương được biết bà M và ông Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đăk S, xã Đăk H, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông, hiện có mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác M và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn Q theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình xét xử vụ án, ngày 05-6-2024 Tòa án phối hợp chính quyền địa phương và có gặp bà M ở nhà, Tòa án lấy lời khai bà M thì bà M thừa nhận có vay bà L 320.000.000 đồng và 17.000.000 đồng, chữ ký trong giấy vay ngày 08-5-2019 và ngày 04-3-2020 là của bà M, nhưng số tiền 17.000.000 đồng đã trả cho bà L nhưng không có giấy tờ chứng M. Nay bà L yêu cầu trả 337.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật thì bà M cho rằng bà L có xuống nhà khoảng tháng 9 năm 2021 đòi nợ, bà M có nói để lại căn nhà và 10m mặt đường thuộc thôn Đăk S, xã Đăk H trừ nợ nhưng bà L không đồng ý, yêu cầu lấy tiền mặt. Bà M xin cho bà thời hạn gặp bà L trao đổi lại việc trả nợ, bà M khẳng định việc vay tiền bà L chồng bà là ông Nguyễn Văn Q không biết, không liên quan. Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo thời gian mở lại phiên tòa cho bà M nhưng bà M không chịu ký nhận và có xin hoãn phiên tòa ngày 14-6-2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc H trình bày: Giấy vay ngày 8-5-2019 và giấy vay tiền ngày 27-3-2020, có chữ ký xác nhận của bà Lê Thị M và các lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. khẳng định bà Lê Thị M vay của bà Trần Thị L tổng số tiền gốc của hai khoản vay là: 337.000.000 đồng. Bà Lê Thị M vay tiền của bà L nhưng sau đó trì hoãn, trốn tránh việc trả nợ, trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn Q mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không

đến làm việc theo các giấy triệu tập của Tòa án. Sự việc trên dẫn đến thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Về lãi suất: mặc dù các bên không thỏa thuận mức lãi suất trên hợp đồng vay. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng M về việc đã trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bà Lê Thị M trả cho bà Trần Thị L toàn số tiền nợ gốc và lãi theo quy định pháp luật, chi tiết như sau: Số tiền vay (gốc) 320.000.000 đồng theo giấy vay mượn tiền ký ngày 8-5-2019 và tiền lãi theo quy định pháp luật; số tiền vay (gốc) 17.000.000 đồng theo giấy vay ngày 27-3-2020 và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tổng số tiền nợ gốc yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Lê Thị M trả cho bà Trần Thị L là 337.000.000 đồng và tiền lãi của các khoản nợ trên theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Những tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự, thể hiện bà Lê Thị M nợ bà L số tiền gốc 337.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tạm tính từ ngày 11-10-2023 đến ngày 05-4-2024 là 33.700.000 đồng và yêu cầu bà M trả tiếp lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06-4-2024 cho đến khi trả hết nợ.

Những tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự, thể hiện bà M còn nợ nguyên đơn 337.000.000 đồng tiền gốc, quá hạn trả nợ nhưng bà M không trả, đối với ông Q chồng bà M thì bà M xác nhận việc bà vay là vay cho người khác, ông Q không biết không liên quan. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn Q vắng mặt không có lý do. Nghĩa vụ chứng minh, theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, bà M là người nợ tiền thì phải có trách nhiệm trả tiền nợ theo thỏa thuận. Mặc dù nguyên đơn đến đòi nhiều lần nhưng bà M vẫn không trả nên đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, có đủ cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự, tuyên xử: Buộc bà Lê Thị M phải trả cho cho bà

Trần Thị L số tiền gốc 337.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, tạm tính từ ngày 11-10-2023 đến ngày 05-4-2024 là 33.700.000 đồng và buộc bà M trả tiếp lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06-4-2024 cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị M là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn Đăk S, xã Đăk S, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông là nơi bị đơn cư trú, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Quốc H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Quốc H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Lê Thị M là bị đơn và ông Nguyễn Văn Q là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị M là bị đơn và ông Nguyễn Văn Q theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ thu thập được thì bà L yêu cầu Toà án giải quyết buộc M phải trả cho bà L số tiền gốc số 337.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, tạm tính từ ngày 11-10-2023 đến khi Toà án xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng vay (*giấy vay tiền viết tay*) ngày 08-5-2019 giữa bà L với bà M theo đó bà M vay số tiền 320.000.000 đồng, hợp đồng giấy vay ngày 04-3-2020 âm lịch giữa bà L với bà M theo đó bà M vay 17.000.000 đồng, quá trình giải quyết bà M thừa nhận có vay tiền và chữ ký trong 02 giấy vay tiền này là có thật. Việc thỏa thuận những nội dung trong hợp đồng vay giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm giao dịch, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Về hiệu lực của hợp đồng được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 401 của Bộ luật dân sự, khoản 1: “*Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác*”, khoản 2: “*Từ thời điểm giao kết hợp đồng có*

hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật”. Như vậy, hợp đồng vẫn có hiệu lực pháp luật, vì không có sự thỏa thuận nào khác cũng như sửa đổi, hủy bỏ hợp đồng nên các bên phải thực hiện hợp đồng theo cam kết.

[2.2]. Về thời hạn trả nợ: Hợp đồng vay (giấy vay tiền viết tay) ngày 08-5-2019 giữa bà L với bà M theo đó bà M vay số tiền 320.000.000đồng, hợp đồng giấy vay ngày 04-3-2020 âm lịch giữa bà L với bà M theo đó bà M vay 17.000.000 đồng không có thời hạn trả nợ, nhưng hai bên có thỏa thuận là bà M phải trả toàn bộ số tiền vay cùng số lãi suất theo quy định của pháp luật ngay khi bà L có yêu cầu, quá trình giải quyết vụ án bà M thừa nhận trong năm 2021 bà L đến đòi tiền và bà L đã làm thông báo yêu cầu bà M phải trả nợ ngày 30-7-2023 có giấy xác nhận của trưởng thôn ông Trịnh Đình H và người làm chứng ông Trần Hữu Đ thông báo trong thời gian 20 ngày bà M phải trả số tiền đã vay, tuy nhiên sau đó bà M không thực hiện. Đây là việc thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, được quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, cụ thể “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Bà L đã trực tiếp và thông báo cho bà M về việc trả nợ nhưng bà M vẫn không thực hiện việc trả nợ, từ khi bà L có yêu cầu cho đến nay bà M chưa trả được đồng tiền gốc và lãi suất nào và các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ nào khác, theo quy định khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Bà L đã đòi nợ nhiều lần, bà M không trả nợ, việc này bà M thừa nhận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2.3]. Hợp đồng vay (giấy vay tiền viết tay) ngày 08-5-2019 giữa bà L với bà M theo đó bà M vay số tiền 320.000.000đồng, hợp đồng giấy vay ngày 04-3-2020 âm lịch giữa bà L với bà M theo đó bà M vay 17.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Toà án thừa nhận nên không phải chứng M theo quy định điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4]. Bà M cho rằng số tiền 17.000.000 đồng theo hợp đồng giấy vay ngày 04-3-2020 âm lịch bà M đã trả cho bà L rồi nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp. Về nghĩa vụ chứng minh, theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy bà M cho rằng đã trả số tiền 17.000.000 đồng cho bà L là không có căn cứ.

[2.5]. Về yêu cầu lãi suất: Xét hợp đồng vay (giấy vay tiền viết tay) ngày 08-5-2019 giữa bà L với bà M theo đó bà M vay số tiền 320.000.000đồng, hợp đồng giấy vay ngày 04-3-2020 âm lịch giữa bà L với bà M theo đó bà M vay 17.000.000 đồng đều không có thỏa thuận lãi suất, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp vay không*

có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc không trả đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi suất trên tổng số tiền chậm trả là 337.000.000 đồng từ ngày 30-10-2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm, cụ thể $337.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} \times 13 \text{ ngày} \times 0,83\% / 01 \text{ tháng} = 23.588.876$ đồng là có căn cứ.

[3]. Đối với ông Nguyễn Văn Q là chồng của bà M, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thể làm việc được với ông Quảng nên Tòa án xác M, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tại hợp đồng vay (*giấy vay tiền viết tay*) ngày 08-5-2019 giữa bà L với bà M theo đó bà M vay số tiền 320.000.000 đồng, hợp đồng giấy vay ngày 04-3-2020 âm lịch giữa bà L với bà M theo đó bà M vay 17.000.000 đồng không có chữ ký của ông Q, quá trình giải quyết vụ án bà M khai là bà vay tiền của bà L cho người khác mượn, không sử dụng vào mục đích chi tiêu trong gia đình nên không liên quan đến ông Q, nguyên đơn không yêu cầu ông Q phải trả tiền và cũng không chứng M được là ông Q và bà M vay tiền sử dụng vào mục đích gì. Do đó, không có căn cứ buộc ông Q phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng với bà M.

[4]. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Lê Thị M. Buộc bà Lê Thị M phải trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền 360.588.876 đồng (trong đó số tiền gốc 337.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 30-10-2023 đến ngày 12-7-2024 là 23.588.876 đồng).

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Trần Thị L được chấp nhận nên bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 18.029.443 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông. Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 8.425.000 đồng đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001436 ngày 25-10-2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401, Điều 463, khoản 1 khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L với bà Lê Thị M. Buộc bà Lê Thị M phải trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền 360.588.876 đồng (trong đó số tiền gốc 337.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 30-10-2023 đến ngày 12-7-2024 là 23.588.876 đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lê Thị M còn phải trả cho bà Trần Thị L tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Lê Thị M phải chịu 18.029.443 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 8.425.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001436 ngày 25-10-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đoàn Công Tài